

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sinh viên bậc đại học hệ chính quy khóa tuyển sinh 2021, 2022, 2023
Được xét hưởng chính sách miễn học phí năm 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ hồ sơ xin xét miễn, giảm học phí của sinh viên các khóa tuyển sinh 2021, 2022, 2023;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay xét và công nhận 58 sinh viên hệ chính quy, khóa tuyển sinh 2021, 2022, 2023 thuộc diện miễn học phí năm 2024, trong đó:

- 48 sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo năm 2024.
- 10 sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo năm 2024.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Phòng Kế hoạch - Tài chính căn cứ định mức lộ trình học phí trong từng năm học theo chương trình đào tạo chính thức của ngành học, để giải quyết chế độ miễn, giảm học phí cho những sinh viên có tên trong danh sách đính kèm theo Quyết định.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- Lưu: VT, CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Võ Văn Minh

DANH SÁCH SINH VIÊN CHÍNH QUY KHÓA TUYỂN SINH 2021, 2022, 2023
ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH MIỄN HỌC PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HỌ NGHỀ, CẶN NGHỀ NĂM 2024
THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP NGÀY 27/08/2021 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 783 /QĐ-ĐHSP, ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu trước khi đi học	TÊN LỚP	Tên ngành học	Khoa	Khóa TS	Đối tượng Miễn, giảm	Chế độ Miễn, giảm	Giải chú
1	3160121037	Alăng Thị Tuyết Nhi	Nữ	05/10/2003	Nam Giang, Quảng Nam	21SGC	GDCT	GDCT	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
2	3160121039	Bhưóch Nguyễn	Nam	05/04/1998	Đông Giang, Quảng Nam	21SGC	GDCT	GDCT	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
3	3160121046	Colâu Thiệu	Nữ	01/08/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21SGC	GDCT	GDCT	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
4	3160621024	Alăng Đung	Nam	13/08/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21SGT	GDTC	GDNT	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
5	3180521041	Poloong Thị Bút	Nữ	06/11/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21CLS	Lịch sử	Lịch sử	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
6	3180721008	Bhưóch Sur	Nam	03/07/2003	Đông Giang, Quảng Nam	21SLD	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
7	3180721093	Arút Li Sân Ni	Nữ	24/01/2003	Nam Giang, Quảng Nam	21SLD	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	2021	DT-Cận nghèo	100%	Cơ tu
8	3190121068	Vũ Thị Thu Thảo	Nữ	04/04/2003	Phước Sơn, Quảng Nam	21SDL	Sư phạm Địa lý	Địa lý	2021	DT-Nghèo	100%	Gié-Trẻng
9	3200221015	Đinh Văn Duy	Nam	10/01/2003	Đông Giang, Quảng Nam	21CTL1	Tâm lý học	TL-GD	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
10	3200321076	Hồ Thị Mỹ Linh	Nữ	06/12/2003	Bắc Trà My, Quảng Nam	21CTXH	Công tác xã hội	TL-GD	2021	DT-Nghèo	100%	Xo-đăng
11	3220121001	Ating Thị Á	Nữ	05/10/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21STH5	GDTH	GDTH	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
12	3220121197	Zo Râm Thị Thư	Nữ	08/03/2003	Nam Giang, Quảng Nam	21STH5	GDTH	GDTH	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
13	3220121236	Brac Uyen	Nữ	19/01/2003	Nam Giang, Quảng Nam	21STH6	GDTH	GDTH	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
14	3220121308	Lý Thị Xuân Chúc	Nữ	06/06/2003	Kông Chro, Gia Lai	21STH1	GDTH	GDTH	2021	DT-Nghèo	100%	Tây
15	3220121312	PLoong Danh	Nam	19/01/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21STH1	GDTH	GDTH	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu trước khi đi học	TÊN LỚP	Tên ngành học	Khoa	Khóa TS	Đổi tương Miến, giảm	Chế độ Miến, giảm	Ghi chú
16	3220121424	Xeo Văn Hồng	Nam	18/08/2003	Kỳ Sơn, Nghệ An	21STH8	GDTH	GDTH	2021	DT-Nghèo	100%	Khómú
17	3220121669	Aviệt Thị Rác	Nữ	29/05/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21STH10	GDTH	GDTH	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
18	3220121749	Zơ Râm Thị Tiều	Nữ	10/01/2003	Nam Giang, Quảng Nam	21STH6	GDTH	GDTH	2021	DT-Nghèo	100%	Gié-Triêng
19	3220121771	Ríah Thị Trầm	Nữ	19/04/2003	Tây Giang, Quảng Nam	21STH4	GDTH	GDTH	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
20	3230121100	Bhaling Thị Diệu Linh	Nữ	08/05/2001	Nam Giang, Quảng Nam	21SMN1	GDMN	GDMN	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
21	3230121113	A Lăng Mí Mí	Nữ	28/12/2002	Nam Giang, Quảng Nam	21SMN1	GDMN	GDMN	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
22	3230121159	Bling Thị Nhung	Nữ	08/01/2003	Đông Giang, Quảng Nam	21SMN3	GDMN	GDMN	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
23	3230121218	Nguyễn Thị Phương	Nữ	13/04/1996	Phước Sơn, Quảng Nam	21SMN4	GDMN	GDMN	2021	DT-Nghèo	100%	Co
24	3230121252	Zơ Râm Thị Tố Trinh	Nữ	25/02/2003	Nam Giang, Quảng Nam	21SMN3	GDMN	GDMN	2021	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
25	3110122086	Trương Phong Lệ	Nữ	13/11/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22ST2	Sư phạm Toán học	Toán	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
26	3120122019	Puih Nũk	Nam	27/11/2003	Ia Grai, Gia Lai	22SPT	Sư phạm Tin học	Tin học	2022	DT-Cận nghèo	100%	Gia Rai
27	3170122033	Arát Thị Hào	Nữ	13/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22SNV2	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
28	3180122044	Briù Thị Sừu	Nữ	27/09/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22SLS	Sư phạm Lịch sử	Lịch sử	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
29	3190422065	Zơ Râm Thị Thu Thảo	Nữ	29/09/2003	Nam Giang, Quảng Nam	22CDDL	Địa lý học	Địa lý	2022	DT-Nghèo	100%	Gié-Triêng
30	3200322021	Bờnướch Thị Linh	Nữ	20/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22CTXH	Công tác xã hội	TL-GD	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
31	3220122034	Rapát Thị Cúc	Nữ	21/01/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22STH3	GDTH	GDTH	2022	DT-Cận nghèo	100%	Cơ tu
32	3220122036	Kring Thị Ánh Đảo	Nữ	08/03/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22STH1	GDTH	GDTH	2022	DT-Nghèo	100%	Gié-Triêng
33	3220122128	Coor Thị Thanh Lê	Nữ	25/04/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22STH4	GDTH	GDTH	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu trước khi đi học	TÊN LỚP	Tên ngành học	Khoa	Khóa TS	Đối tượng Miễn, giảm	Chế độ Miễn, giảm	Ghi chú
34	3220122160	Poloong Thi Mai	Nữ	01/01/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22STH3	GDTH	GDTH	2022	DT-Nghèo	100%	Gié-Triêng
35	3220122163	Zơ Râm Thi Xuân	Nữ	12/10/2003	Nam Giang, Quảng Nam	22STH5	GDTH	GDTH	2022	DT-Nghèo	100%	Gié-Triêng
36	3220122165	Bling Thi Mơ	Nữ	10/10/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22STH1	GDTH	GDTH	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
37	3220122206	Poloong Thi Nhung	Nữ	23/06/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22STH4	GDTH	GDTH	2022	DT-Cận nghèo	100%	Cơ tu
38	3220122230	A Viết Thi Sen	Nữ	30/08/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22STH5	GDTH	GDTH	2022	DT-Cận nghèo	100%	Cơ tu
39	3220122238	Arát Thi Thạch	Nữ	03/02/2004	Nam Giang, Quảng Nam	22STH1	GDTH	GDTH	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
40	3220122281	Dương Thi Thùy Trang	Nữ	17/05/2004	Bắc Trà My, Quảng Nam	22STH6	GDTH	GDTH	2022	DT-Nghèo	100%	Co
41	3230122005	Alăng Thi Âu	Nữ	01/05/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22SMN2	GDMN	GDMN	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
42	3230122067	Alăng Thi Mai	Nữ	14/03/2003	Đông Giang, Quảng Nam	22SMN1	GDMN	GDMN	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
43	3230122092	Arát Thi Nụ	Nữ	29/10/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22SMN2	GDMN	GDMN	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
44	3230122106	Alăng Thi Rùa	Nữ	01/01/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22SMN1	GDMN	GDMN	2022	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
45	3230122161	Alăng Thi Ái	Nữ	10/04/2004	Đông Giang, Quảng Nam	22SMN2	GDMN	GDMN	2022	DT-Cận nghèo	100%	Cơ tu
46	3160523009	Rơ Lan Kun	Nữ	27/07/2005	Chư Prông, Gia Lai	23SCD	GDCT	GDCT	2023	DT-Nghèo	100%	Gia Rai
47	3170123124	Nguyễn Thị Hà Vi	Nữ	22/06/2004	Quỳ Hợp, Nghệ An	23SNV2	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn	2023	DT-Cận nghèo	100%	Thỏ
48	3170123133	Vi Thị Yén	Nữ	24/06/2005	Quỳ Hợp, Nghệ An	23SNV1	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn	2023	DT-Cận nghèo	100%	Thái
49	3170423094	Nguyễn Thị Hương	Nữ	10/07/2005	Buôn Đôn, Đắk Lắk	23CBC2	Báo chí	Ngữ văn	2023	DT-Nghèo	100%	Tây
50	3220123167	Alăng Thi Thùy Liên	Nữ	23/02/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23STH1	GDTH	GDTH	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
51	3220123197	Alăng Thi Ly	Nữ	13/05/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23STH7	GDTH	GDTH	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu

STT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hồ khẩu trước khi đi học	TÊN LỚP	Tên ngành học	Khoa	Khóa TS	Đổi tương Miễn, giảm	Chế độ Miễn, giảm	Ghi chú
52	3220123214	Vi Thị Mơ	Nữ	05/04/2005	Quỳ Hợp, Nghệ An	23STH4	GDTH	GDTH	2023	DT-Cận nghèo	100%	Thái
53	3220123268	Vi Thị Yến	Nữ	11/12/2005	Quỳ Hợp, Nghệ An	23STH1	GDTH	GDTH	2023	DT-Cận nghèo	100%	Thái
54	3220123351	Brứu Thương	Nam	10/05/2005	Tây Giang, Quảng Nam	23STH1	GDTH	GDTH	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
55	3220123414	Zo Râm Thị Hà Vi	Nữ	27/01/2005	Nam Giang, Quảng Nam	23STH6	GDTH	GDTH	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu
56	3220223004	Phòng Thị Băng	Nữ	09/02/2005	Nam Giang, Quảng Nam	23STC	7140250-Sư phạm Tin học và Công nghệ Triều học	GDTH	2023	DT-Nghèo	100%	Giê-Trường
57	3230123151	Bról Thị Thảo	Nữ	26/04/2002	Nam Giang, Quảng Nam	23SMN3	GDMN	GDMN	2023	DT-Nghèo	100%	Giê-Trường
58	3230123199	Alăng Thị Ngọc Ty	Nữ	18/10/2005	Đông Giang, Quảng Nam	23SMN3	GDMN	GDMN	2023	DT-Nghèo	100%	Cơ tu

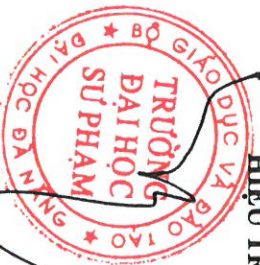
Tổng cộng: - 58 sinh viên (48 sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, 10 sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo) được miễn học phí trong năm 2024 (giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo chỉ có giá trị đến 31/12/2025).

- Từ học kỳ II/2023-2024 trở đi sinh viên phải bỏ sung giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo năm 2024 mới được tiếp tục hưởng chế độ miễn học phí.

Ghi chú:

- Đối với những môn học đăng ký học lần đầu: sinh viên được miễn, giảm học phí.
- Đối với những môn học đăng ký học lần thứ hai trở đi hoặc đăng ký học cải thiện điểm: sinh viên phải đóng 100% học phí.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Võ Văn Minh